

BÀI HỌC KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO SẢN XUẤT DÂU Tằm TỈNH THÁI BÌNH

Lê Hồng Vân

*Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương
Email: lehongvan9@hotmail.com*

Trần Hữu Cường

*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: Trancuong@vnua.edu.vn*

Ngày nhận: 12/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/7/2016

Ngày duyệt đăng: 25/7/2016

Tóm tắt:

Nghiên cứu này hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển sản xuất dâu tằm bền vững. Từ việc phân tích khái niệm, mục tiêu và nội dung nghiên cứu, bài viết tiến hành thảo luận về phương pháp đánh giá phát triển sản xuất dâu tằm bền vững. Qua xem xét tình hình phát triển sản xuất dâu tằm trong và ngoài nước, nghiên cứu khẳng định với một vùng truyền thống như Thái Bình, sản xuất dâu tằm vẫn có triển vọng phát triển. Bài học kinh nghiệm được rút ra cho tỉnh Thái Bình là: đầu tư cơ sở hạ tầng; quản lý sản xuất cung ứng giống tốt kết hợp tổ chức nuôi tằm con tập trung; tích cực chăm sóc; đổi mới công nghệ; nâng cao chất lượng lao động; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, phòng trừ dịch bệnh; xây dựng thị trường tiêu thụ thuận lợi, minh bạch và phát huy vai trò của Nhà nước.

Từ khóa: Bài học kinh nghiệm, bền vững, dâu tằm, phát triển, sản xuất, Thái Bình.

Experiences in sustainable development for sericultural production in Thai Binh province

Abstract:

This paper codifies theoretical and practical issues in sustainable development of sericultural production. After discussing concepts, objectives and contents of sustainable development in sericultural production, the authors assess methodology for evaluation. Based on analysing development of sericultural production in some countries and Vietnam, this study showed prospects of sericulture development in Thai Binh, a traditional sericultural province. The paper also draws experiences learnt for Thai Binh province, including: investment in infrastructure, management of production of high quality mulberry seed and silkworm egg, organization of young age silkworm raising, care of sericulture, innovation in production technology, enhancement of the quality of sericultural labor forces, improvement of the sericulturist's awareness in environment as well as epidemic, establishment of favorable explicit market, and improvement of the Government's role.

Keywords: Development, experience, production, sericulture, sustainable, Thai Binh.

1. Đặt vấn đề

Trồng dâu, nuôi tằm là một nghề truyền thống lâu đời ở Việt Nam. Trải qua hàng nghìn năm, nghề nuôi tằm có ý nghĩa xã hội rất sâu sắc và mang đậm tính nhân văn. Thái Bình là một tỉnh đồng bằng sông Hồng thuận lợi cho sản xuất dâu tằm. Trước đây, dâu

tằm Thái Bình rất phát triển. Thời gian gần đây đã diễn ra những biến động lớn: diện tích dâu từ năm 2005 đến nay đã giảm tới 68,4%, và đã có 14.650 người từ bỏ sản xuất để chuyển đổi sang các hoạt động khác. Từ chỗ dâu tằm được trồng trên toàn bộ 7 huyện của tỉnh, nay chỉ còn 5 huyện và tiếp tục có

nguy cơ biến mất ở nhiều huyện. Tuy là nghề truyền thống nhưng từ trước đến nay vẫn chưa một nghiên cứu nào dưới góc độ phát triển bền vững về sản xuất dâu tằm chưa. Vì vậy, nghiên cứu này không chỉ là yêu cầu cấp thiết từ sản xuất mà còn là yêu cầu về mặt lý luận nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của nhiều địa phương khác. Câu hỏi đặt ra là: Sản xuất dâu tằm Thái Bình còn có thể phát triển được nữa không? Làm thế nào để sản xuất dâu tằm phát triển bền vững? Đề giải quyết được vấn đề nêu trên cần phải nghiên cứu sâu hơn về lý luận và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn những nơi đã phát triển tốt sản xuất dâu tằm theo hướng bền vững.

Mục tiêu cơ bản của bài viết là hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển sản xuất dâu tằm bền vững, rút ra bài học kinh nghiệm cho sự phát triển sản xuất dâu tằm tỉnh Thái Bình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chủ yếu dựa trên các thông tin đã công bố, được thu thập từ sách thống kê, tạp chí, báo chuyên ngành, báo cáo tại các hội thảo trong, ngoài nước và mạng internet. Thống kê mô tả là phương pháp phân tích chính được sử dụng trong bài viết này nhằm phản ánh thực tiễn về phát triển sản xuất dâu tằm bền vững của một số quốc gia và một số vùng trong nước, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho phát triển bền vững sản xuất dâu tằm tỉnh Thái Bình.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khái niệm về phát triển sản xuất dâu tằm bền vững

Phát triển sản xuất dâu tằm bền vững là việc thực hiện các nội dung như đầu tư, giống, chăm sóc,... liên kết để tạo ra sản phẩm kén tằm ngày càng tăng dần về lượng và tiến bộ về chất, đồng thời có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa mục tiêu kinh tế với việc thực hiện tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Sự phát triển đó đòi hỏi phải đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

3.2. Nội dung phát triển sản xuất dâu tằm bền vững

Phát triển sản xuất dâu tằm cần phải đồng thời hướng tới 3 mục tiêu cơ bản là phát triển bền vững về kinh tế, phát triển bền vững về mặt xã hội và phát triển bền vững về tài nguyên môi trường. Nội dung cụ thể của phát triển sản xuất dâu tằm bền vững bao

gồm các vấn đề, nội dung về sản xuất dâu tằm. Các nội dung đó cần được phân tích dưới góc độ phát triển (về chiều rộng, chiều sâu) và đáp ứng yêu cầu bền vững trong hiện tại cũng như cho tương lai.

3.2.1. Phát triển sản xuất dâu tằm dưới góc độ kinh tế

- *Đầu tư vốn, hạ tầng*: là yếu tố vật chất quan trọng tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Trong điều kiện năng suất lao động không thay đổi thì tăng tổng nguồn vốn đầu tư sẽ tăng được sản lượng sản phẩm hàng hóa (Vũ Thị Ngọc Phùng, 2006).

- *Giống*: là nguyên vật liệu đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp. Giống tốt là cơ sở để có năng suất và chất lượng nông sản cao (Đỗ Thị Châm, 1995).

- *Chăm sóc*: là những công việc thường xuyên phải thực hiện và giữ vị trí quan trọng trong quá trình sản xuất. Thực hiện các khâu chăm sóc một cách hợp lý sẽ góp phần nâng cao kết quả và hiệu quả sản xuất.

- *Khoa học kỹ thuật*: được xem là động lực cho sự phát triển và là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự thay đổi năng suất lao động và chất lượng sản phẩm (Vũ Thị Ngọc Phùng, 2006).

- *Phòng trừ sâu bệnh*: sâu bệnh gây thiệt hại cho sản xuất, làm tăng chi phí, giảm khối lượng cũng như chất lượng sản phẩm sản xuất ra nên cần phải phòng trừ thường xuyên.

- *Liên kết giữa các tác nhân*: là sự phối hợp hoạt động do các đơn vị kinh tế tự nguyện tiến hành để thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng có lợi nhất trong khuôn khổ pháp luật.

- *Kết quả và hiệu quả*: là thước đo trình độ phát triển của sản xuất. Đối với nông hộ, khi sản xuất có kết quả cao, nông dân sẽ tìm cách mở rộng sản xuất. Ngược lại, sản xuất sẽ bị thu hẹp.

3.2.2. Phát triển sản xuất dâu tằm dưới góc độ xã hội

Phát triển gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội như tăng cơ hội việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho phụ nữ, người già; là phát triển tốt nghề truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa làng xã; là sự gia tăng khả năng tiếp cận thị trường; là sự bình đẳng trong sử dụng tài nguyên và cơ hội tiếp cận nguồn vốn đầu tư cho sản xuất.

3.2.3. Phát triển sản xuất dâu tằm dưới góc độ môi trường

Phát triển sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường, sinh thái. Hệ sinh thái vùng sản xuất được khai thác

Bảng 1: Tình hình và biện pháp nhằm phát triển bền vững sản xuất dâu tằm

Diễn giải	Tình hình phát triển sản xuất dâu tằm	Biện pháp nhằm phát triển bền vững sản xuất dâu tằm
1. Thế giới	Không còn nguy cơ, sản xuất tăng nhanh	
- Trung Quốc	Sản lượng liên tục tăng, năm 2015 tăng 32,2% so với 2010, dịch chuyển từ Đông sang Tây. Tăng việc làm và thu nhập cho phụ nữ. Tồn thất < 5%.	- Quy hoạch, đổi mới kỹ thuật, giống mới, sản xuất giống tốt, đầu tư vốn, hạ tầng cho sản xuất, nuôi tằm con tập trung, nuôi tằm trên nền nhà, đào tạo nông dân về môi trường, phòng bệnh.
- Ấn Độ	Sản lượng tăng nhanh, năm 2015 tăng 47,7% so với 2010. Tăng việc làm và thu nhập cho nông dân nghèo. Môi trường chăn nuôi tốt hơn, tồn thất < 7%.	- Có cơ quan chuyên trách, chính sách huy động sức dân, thị trường tiêu thụ thuận lợi minh bạch, thay đổi giống dâu, đổi mới kỹ thuật, tích cực chăm sóc, nuôi tằm con tập trung.
- Thái Lan	Năm 2013 sản lượng bắt đầu tăng, Năm 2015 tăng 8,5% so với năm 2012. Tăng khả năng tiếp cận vốn.	- Hạ tầng sản xuất giống, chính sách chuyển giao công nghệ, đào tạo nông dân, thông tin thị trường, cho vay nâng cấp cơ sở chăn nuôi.
2. Việt Nam	Không còn giảm, sản xuất đi vào ổn định	
- Lâm Đồng	Diện tích dâu tằm tăng nhanh; năm 2015 đạt 4.759ha, tăng 60,5% so với năm 2010.	- Giống dâu mới; bón phân, tưới nước; nuôi tằm con tập trung; nuôi tằm lớn trên nền, phòng bệnh, chế biến tốt.
- Yên Bái	Diện tích dâu tằm tăng nhanh, năm 2015 tăng 134% so với năm 2010.	- Giống dâu mới; nuôi tằm con tập trung; nuôi tằm lớn trên nền; phòng bệnh, hỗ trợ chế biến.
- Sơn La	Diện tích dâu tằm tăng 27,6% so với năm 2010.	- Giống tốt; tằm con nuôi tập trung, tằm lớn nuôi trên nền, phòng bệnh, thị trường, quy hoạch.

Nguồn: Tổng hợp từ nghiên cứu của tác giả, 2016

hợp lý. Năng suất, chất lượng lá dâu đảm bảo cho nuôi tằm có kết quả cao. Hoạt động chăn nuôi không ảnh hưởng đến môi trường sống con người, đồng thời môi trường chăn nuôi được giữ gìn đảm bảo tránh được tồn thất do dịch bệnh và ảnh hưởng của thuốc trừ sâu.

Quá trình phát triển sản xuất dâu tằm được xem là bền vững khi sản xuất phát triển bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường. Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định; giải quyết tốt việc làm cho lao động trong vùng, từng bước nâng cao mức sống của cư dân, góp phần xóa đói giảm nghèo; môi trường sinh thái được gìn

giữ bảo vệ và cuộc sống người trồng dâu nuôi tằm ngày càng tốt đẹp hơn.

3.3. Thực tiễn phát triển sản xuất dâu tằm trong và ngoài nước

3.3.1. Thực tiễn phát triển sản xuất dâu tằm trên thế giới

Trồng dâu nuôi tằm đã được phổ biến trên toàn thế giới từ hàng ngàn năm nay. Trong hai thế kỷ gần đây, sản xuất dâu tằm đã phải đối mặt với 3 cuộc khủng hoảng lớn, có lúc tưởng chừng như không thể vượt qua. Tuy nhiên, chính những cuộc khủng hoảng này lại là minh chứng cho sức sống mãnh liệt và kích thích sự phát triển về sau:

- *Khủng hoảng về dịch bệnh* – diễn ra vào năm

1850, bệnh gai nhọn chóng lan tràn và quét sạch nghề nuôi tằm ở hầu hết các nước châu Âu và Trung Đông. Từ đó việc “giữ gìn môi trường chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh” trở thành mối quan tâm của mọi tổ chức và cá nhân trồng dâu nuôi tằm.

- *Khủng hoảng tâm lý* – nổ ra với sự sản xuất lớn những mặt hàng bằng rayonne vào giai đoạn 1925-1935. Người ta tạo cho loại tơ nhân tạo này tất cả các đặc tính tốt. Sự sụt giá tơ là một tai họa và đã đẩy nghề dâu tằm đến chỗ gần bị tiêu diệt. Tất nhiên, những nhược điểm của tơ rayonne thể hiện ra nhanh chóng và người tiêu dùng trở lại với tơ tằm, nhưng nghề dâu tằm cũng đã bị uy hiếp mạnh.

- *Khủng hoảng về kỹ thuật* – xảy ra 15 năm sau Thế chiến II, khi sợi nilông được phổ biến. Nhân loại đã tin rằng loại sợi tổng hợp sẽ thay thế cho tơ tằm. Sau khi nhận thấy những nhược điểm của sợi tổng hợp tuy số lượng ngày càng nhiều, giá hạ

nhưng uy thế cũng giảm dần thì những đặc điểm vốn có của tơ tằm lại càng nổi bật. Schenh (1967) trong giai đoạn khó khăn nhất, khi đánh giá về tương lai, triển vọng phát triển của sản xuất dâu tằm, vẫn cho rằng “Vai trò của con tằm về kinh tế, xã hội và khoa học trong nền văn minh nhân loại đã là, đang là và sẽ còn là to lớn.”

Ngày nay, tơ tằm không còn nguy cơ bị tiêu diệt nữa và nhu cầu ngày càng tăng nhanh một cách đột biến. Sản xuất dâu tằm vẫn phát triển tốt ở một số nước như:

- *Phát triển sản xuất dâu tằm ở Trung Quốc*: Dâu tằm Trung Quốc phát triển dựa trên cơ sở quy hoạch cụ thể cho từng vùng nhằm khai thác triệt để lợi thế so sánh và khắc phục những hạn chế của vùng. Sản lượng tơ tằm Trung Quốc đang tăng nhanh, nhưng có sự dịch chuyển từ đông sang tây. Trung Quốc đề ra mục tiêu là đổi mới trong lĩnh vực kỹ thuật, quản lý và kinh doanh để thích ứng với sự thay đổi của thị

Bảng 2: Sản lượng tơ tằm các nước trên thế giới giai đoạn 2010-2015

Đơn vị: tấn

TT	Nước	2010	2011	2012	2013	2014	2015
1	Bangladesh	-	-	-	24,0	26,0	29,0
2	Brasil	770,0	558,0	614,0	550,0	560,0	568,0
3	Bulgaria	9,4	6,0	8,5	8,5	8,0	8,0
4	Trung Quốc	115.000,0	104.000,0	126.000,0	130.000,0	146.000,0	152.000,0
5	Colombia	0,6	0,6	0,6	0,6	0,5	0,5
6	AI Cập	0,3	0,7	0,7	0,7	0,8	1,0
7	Ấn Độ	21.005,0	23.060,0	23.679,0	26.480,0	28.708,0	31.032,0
8	Indonesia	20,0	20,0	20,0	16,0	10,0	10,0
9	Iran	75,0	120,0	123,0	123,0	110,0	108,0
10	Nhật Bản	54,0	42,0	30,0	30,0	30,0	30,0
11	Triều Tiên	-	300,0	300,0	300,0	320,0	338,0
12	Hàn Quốc	3,0	3,0	1,5	1,6	1,2	1,2
13	Philippines	1,0	1,0	0,9	1,0	1,1	1,1
14	Syria	0,6	0,5	0,5	0,7	0,5	0,5
15	Thái Lan	655,0	655,0	655,0	680,0	692,0	711,0
16	Tunisia	0,1	3,0	3,9	4,0	4,0	4,0
17	Thổ Nhĩ Kỳ	18,0	22,0	22,0	25,0	32,0	38,0
18	Uzbekistan	940,0	940,0	940,0	980,0	1.100,0	1.190,0
19	Việt Nam	550,0	500,0	450,0	475,0	420,0	452,0
20	Madagascar	16,0	16,0	18,0	18,0	15,0	15,0
Tổng		139.118,0	130.248,0	152.868,0	159.718,0	178.039,0	186.537,0

Nguồn : International Sericultural Commision - ISC, 2016

trường. Họ quan tâm nhiều đến việc thiết lập mạng lưới nhân giống và không ngừng thực hiện khâu hiệu cải tạo giống. Về kỹ thuật nuôi trồng, người Trung Quốc đã cải biến phương pháp canh tác tăng thêm lá dâu vào vụ xuân, thu để có nhiều lá nuôi được các giống có nhiều tơ; chuyển đổi thu hoạch dâu bằng cắt cành thay cho hái lá để tiết kiệm nhân công; thay đổi buồng tằm tối thành buồng tằm sáng; thay đổi tập quán nuôi dày thành nuôi thưa, cho ăn mỏng; nuôi tằm từ nhiệt độ thấp độ ẩm cao thay sang nuôi nhiệt độ cao, ẩm độ khô. Về đầu tư hạ tầng cho sản xuất, Trung Quốc thực hiện một cuộc cách mạng về buồng tằm với mục tiêu tách việc nuôi tằm ra khỏi nhà ở. Người Trung quốc nhận thức được việc tằm con tốt hay xấu ảnh hưởng lớn đến tổng thu hoạch, nên đã nỗ lực phát triển nuôi tằm con tập trung, đến giai đoạn tằm lớn nuôi trên nền nhà rất hiệu quả. Số hộ nuôi tằm trên nền nhà đã chiếm tỷ lệ trên 90%. Nhờ có chính sách khuyến khích công nghiệp dệt lụa, hạn chế xuất khẩu tơ sống, tăng cường xuất khẩu hàng hóa thành phẩm nên đã tạo được thị trường tiêu thụ vững chắc. Về môi trường, nông dân được trang bị kiến thức về tác hại của ô nhiễm đối với nuôi tằm, được hướng dẫn cách bảo vệ môi trường và quản lý dịch bệnh tổng hợp nên tổn thất được hạn chế ở mức < 5% (Li Long, 2013).

- *Phát triển sản xuất dâu tằm ở Ấn Độ*: Sản xuất dâu tằm nuôi sống 7,25 triệu gia đình tại các vùng nông thôn Ấn Độ. Sau khi giành được độc lập, ban tơ tằm trung ương cơ quan chuyên trách về sản xuất dâu tằm được thành lập. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ, sản xuất phát triển nhanh trong giai đoạn 1950-1970. Cuối thập kỷ 1970, dâu tằm bắt đầu sa sút. Năm 1991, Ấn Độ tiến hành cải cách kinh tế dựa trên cơ sở thị trường, ban tơ tằm trung ương không trực tiếp tổ chức sản xuất như trước mà huy động sức mạnh của các doanh nghiệp và nhân dân. Hoạt động của ban chỉ tập trung vào những công việc như khoa học công nghệ, hỗ trợ sản xuất giống, minh bạch hóa thị trường tiêu thụ, đào tạo nông dân, chống hàng giả và cạnh tranh không lành mạnh... Dân trí ở các vùng nông thôn Ấn Độ không cao nhưng với việc đưa các giống dâu mới vào sản xuất, áp dụng các kỹ thuật thâm canh dâu hợp lý (bón phân, tưới nước...), kỹ thuật nuôi tằm tiên tiến nên đã thu được những thành tựu không thua kém nhiều so với Trung Quốc. Chỉ riêng bang Kanataka đã có hàng ngàn điểm nuôi tằm con tập trung để bán cho nông dân, nhờ vậy sản lượng kén, chất lượng kén tăng lên đáng kể. Sản

xuất dâu tằm Ấn Độ đã trở nên bền vững hơn với tốc độ tăng trưởng cao. Năm 2015, Ấn Độ đã sản xuất được 31.032 tấn tơ, tăng 47,7% so với năm 2010. (International Sericultural Commission, 2016)

- *Phát triển sản xuất dâu tằm ở Thái Lan*: Tơ tằm Thái Lan được xem là di sản văn hóa nên được Hoàng gia đỡ đầu. Người Thái rất chuộng tơ tằm. Các sản phẩm từ tơ tằm rất đa dạng và phong phú. Nhu cầu tiêu dùng về lụa rất lớn nhưng trồng dâu nuôi tằm ngày càng giảm sút. Do đó, Thái Lan phải nhập một lượng lớn tơ tằm từ nước ngoài trong đó có Việt Nam. Năm 2010, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan thành lập cục dâu tằm với nhiều chính sách thúc đẩy sản xuất như tăng cường hạ tầng sản xuất giống tằm, trợ cấp chuyển giao công nghệ, nâng cao kiến thức chuyên môn và thông tin thị trường cho nông dân. Ngân hàng có vai trò rất tích cực trong việc phát triển sản xuất thông qua các chương trình cho vay ưu đãi để nâng cấp các cơ sở chăn nuôi. Từ năm 2011, sản lượng tơ không còn giảm và đến năm 2013 sản xuất dâu tằm đã bắt đầu tăng, mức tăng chưa nhiều song rất có ý nghĩa bởi sau nhiều năm suy giảm liên tục. Somphob Jongruaysup (2014) khi đề cập đến sự thành công của sản xuất dâu tằm Thái Lan – cho rằng: “Đó là sự phát triển bền vững về khía cạnh xã hội, trong đó vai trò của nhà nước là rất quan trọng.”

3.3.2. Thực tiễn phát triển sản xuất dâu tằm ở Việt Nam

Trồng dâu nuôi tằm đã được nhắc đến từ rất lâu trong các văn tự cổ. Đất nước trong buổi bình minh của lịch sử, sau thời kỳ “dùng vô cây làm áo” là thời kỳ trồng dâu, chăn tằm, ươm tơ, dệt vải. Một số truyền thuyết còn ghi lại vai trò của các hoàng hậu trong việc hướng dẫn người dân trồng dâu nuôi tằm. Do là hoạt động sản xuất để đáp ứng nhu cầu mặc cho nhân dân nên trồng dâu nuôi tằm có vị trí đặc biệt trong đời sống xã hội. Tơ tằm Việt Nam đã xuất khẩu sang nhiều nước Á, Âu.

Sau Cách mạng tháng 8, sản xuất dâu tằm đã trải qua các giai đoạn: *Giai đoạn 1945-1975*: Đây là giai đoạn khó khăn đối với sản xuất dâu tằm do bị ảnh hưởng của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ. Thời kỳ này có lúc diện tích dâu tằm chỉ còn 7.000ha (năm 1975). Tuy nhiên, với sự quan tâm của Chính phủ trong việc thực hiện các biện pháp khôi phục và phát triển nghề dâu tằm truyền thống nên nhiều cơ sở chủ yếu phục vụ sản xuất dâu tằm được thành lập trong giai đoạn này; *Giai đoạn 1975-1993*: Sau khi

đất nước thống nhất, sản xuất được khôi phục. Hệ thống tổ chức được hoàn chỉnh đồng bộ theo cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Nhà nước lo đầu ra sản phẩm, xuất bán hoặc trao đổi hàng với các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Sau Đại hội Đảng lần thứ VI, cơ chế thị trường đã thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh và hình thành những vùng sản xuất tập trung quy mô lớn đặc biệt là Lâm Đồng. Diện tích dâu tằm cả nước đạt 38.000 ha vào năm 1993; *Giai đoạn 1993-2009*: Sự tan rã của Liên Xô và Đông Âu làm mất đi thị trường truyền thống của ngành. Tơ không xuất khẩu được, giá thu mua kén giảm xuống rất thấp, các xí nghiệp ương tơ lâm vào thua lỗ. Một số buộc phải giải thể, số khác chuyển sang xe tơ gia công cho nước ngoài và không còn vai trò thu mua kén cho nông dân. Hệ thống sản xuất bị phá vỡ, dâu tằm sụt giảm nhanh chóng. Năm 2009, diện tích dâu tằm cả nước chỉ còn 8.382 ha, giảm tới 78% so với thời điểm năm 1993. Tuy nhiên, chính trong quãng thời gian khó khăn này sản xuất dâu tằm đã có những đổi mới quan trọng và có những tiến bộ rõ rệt đánh dấu một sự nỗ lực lớn của kinh tế tư nhân đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến tơ kén; *Từ năm 2009 đến nay*: Diện tích dâu không còn giảm mạnh như trước, đã xuất hiện nhiều tỉnh có diện tích dâu tăng. Sản xuất dâu tằm dần đi vào ổn định (Vietseri, 2014).

Thực tế hiện nay cho thấy, sản xuất dâu tằm vẫn phát triển khá tốt ở một số địa phương như:

- *Lâm Đồng*: năm 2001, một số mô hình nuôi tằm con tập trung được xây dựng tại Bảo Lộc và Lâm Hà. Thời gian đầu dân còn e ngại. Sau đó rất nhiều điểm nuôi tằm con được mở rộng trong tỉnh. Tằm con nuôi tập trung nên được chăm sóc tốt hơn, tổn thất do dịch bệnh được hạn chế. Các giống dâu mới được đưa vào sản xuất, đồng thời áp dụng quy trình

bón phân, tưới nước và kỹ thuật nuôi tằm tiên tiến nên năng suất kén cao 2.000kg kén/ha. Ngày càng nhiều xưởng ương tơ nhân đầu tư máy ương tơ tự động để sản xuất tơ chất lượng cao. Diện tích dâu tằm tăng nhanh. Năm 2015 đạt 4.759 ha.

- *Yên Bái*: rất quan tâm đến dâu tằm. Chính quyền hỗ trợ nông dân trồng giống dâu mới năng suất cao và mời một số cá nhân từ Hà Nam có nghề ương tơ lên Trấn Yên mở các cơ sở ương tơ giúp dân tiêu thụ kén. Năm 2005, Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã mời chuyên gia Trung Quốc tổ chức nuôi tằm con tập trung và chuyển giao công nghệ nuôi tằm trên nền nhà. Mô hình được đánh giá là rất thành công và sau đó huyện Trấn Yên đã hỗ trợ xây dựng tổ hợp nuôi tằm con tại xã Việt Thành, đồng thời nhân rộng mô hình ra các xã khác. Nhờ có nuôi tằm con tập trung, dịch bệnh được kiểm soát, nuôi tằm không còn bấp bênh như trước, sản xuất trở nên bền vững hơn. Diện tích dâu tằm tỉnh Yên Bái đạt 232,5ha vào năm 2015.

- *Sơn La*: dâu tằm được đưa lên Sơn La vào đầu năm 1990. Sản xuất phát triển tương đối thuận lợi. Từ năm 1994, giá tơ tằm giảm mạnh làm cho sản xuất gặp nhiều khó khăn. Nhiều biện pháp nhằm phát triển sản xuất được thực hiện như: thay đổi giống dâu cũ năng suất thấp sang sử dụng giống dâu năng suất cao; sử dụng giống tằm lưỡng hệ kén trắng chất lượng cao; tổ chức nuôi tằm con tập trung; phổ biến công nghệ nuôi tằm mới trên nền nhà; đầu tư máy nghiền vôi bột cho dân phòng dịch và đổi mới công nghệ ương tơ. Nhờ vậy, dâu tằm Sơn La không những đứng vững trong giai đoạn khó khăn mà còn đang mở rộng.

3.4. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn như thảo luận trên, cho thấy đối với vùng truyền thống

Bảng 3: Tình hình phát triển sản xuất dâu tằm Việt nam giai đoạn 2006-2015

Diễn giải	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Diện tích dâu (ha)	17.200	16.000	11.357	8.382	8.550	8.268	7.795	7.753	7.340	8.185
Sản lượng kén (tấn)	10.413	10.110	7.746	7.367	7.107	7.057	7.517	6.359	6.761	7.197
Năng suất kén (tấn/ha)	0,61	0,63	0,68	0,88	0,83	0,91	0,96	0,82	0,92	0,88

Nguồn : Tổng cục Thống kê, 2006-2015

nghư Thái Bình sản xuất dâu tằm vẫn có thể phát triển và phát triển bền vững. Bài học kinh nghiệm được rút ra cho Thái Bình là:

Thứ nhất, để sản xuất dâu tằm phát triển bền vững cần thực hiện đủ các nội dung và tác động đồng bộ các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển bền vững. Sự thực hiện thiếu đồng bộ sẽ làm cho quá trình phát triển thiếu bền vững, thậm chí kém phát triển.

Thứ hai, sản xuất hàng hóa đòi hỏi đầu tư vốn, cơ sở hạ tầng từ Nhà nước, doanh nghiệp và cả hộ nông dân. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn như đường giao thông, thủy lợi... phục vụ cho tưới tiêu và vận chuyển bán sản phẩm. Doanh nghiệp đầu tư các cơ sở sản xuất giống, chế biến sản phẩm. Nông dân đầu tư ruộng dâu, nhà nuôi, trang thiết bị, dụng cụ sản xuất.

Thứ ba, nhanh chóng thay đổi giống dâu cũ bằng giống dâu mới để có năng suất lá cao hơn, sử dụng giống tằm chất lượng nhưng phù hợp với điều kiện thời tiết, mùa vụ, tập quán chăn nuôi và yêu cầu của thị trường. Giống không tốt sẽ ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống của dân nên cần quản lý chặt chẽ khâu sản xuất và cung ứng giống. Tằm con là giai đoạn quan trọng có vai trò quyết định đến kết quả lứa tằm nhưng lại yêu cầu điều kiện nuôi tốt, điều mà không phải hộ nào cũng đáp ứng được nên cần tổ chức nuôi tằm con tập trung để cung cấp tằm con giống cho dân nuôi thay cho nuôi từ trứng.

Thứ tư, cần tích cực chăm sóc cây dâu con tằm. Thực hiện các biện pháp đốn, hái, làm cỏ đúng lúc; bón phân, tưới nước đầy đủ để nâng cao năng suất và phẩm chất lá dâu. Cho tằm ăn đúng bữa, đủ lượng, lá dâu phù hợp với tuổi tằm là những chăm sóc cần phải thực hiện tốt để có năng suất kén cao.

Thứ năm, chuyển đổi căn bản công nghệ nuôi tằm trên nông truyền thống sang công nghệ nuôi tằm trên nền nhà do những ưu việt đã được khẳng định. Ứng dụng tổng hợp các kết quả nghiên cứu vào sản xuất để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng lao động là hết sức cần thiết. Trước đây, lao động trồng dâu nuôi tằm đòi hỏi phải chăm chỉ, khéo léo và kinh nghiệm. Ngày nay, họ còn cần phải có khả năng học hỏi, tiếp thu và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất một cách tốt nhất nên cần có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức, đào tạo nghề cho nông dân cả về kỹ thuật sản

xuất lẫn kiến thức về thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Thứ bảy, nâng cao ý thức trong bảo vệ môi trường, phòng trừ dịch bệnh là nhiệm vụ trọng tâm. Để bảo vệ môi trường phòng trừ dịch bệnh, hơn ai hết nông dân là người có trách nhiệm cao nhất. Nông dân cần được trang bị kiến thức về môi trường, những tác hại của ô nhiễm và cách bảo vệ môi trường. Nếu không có kiến thức, họ sẽ làm ô nhiễm môi trường chăn nuôi và chính họ sẽ phải chịu tổn thất do dịch bệnh gây ra.

Thứ tám, xây dựng thị trường tiêu thụ thuận lợi và minh bạch là rất cần thiết và cấp bách. Một thị trường tiêu thụ tốt, mọi thành viên tham gia đều cảm nhận được sự minh bạch của nó, nơi mà lợi ích của các bên đều được tôn trọng là tiền đề cần thiết cho sản xuất phát triển. Việc xây dựng thị trường là trách nhiệm chung của cả doanh nghiệp, tư thương, nông dân và Nhà nước. Trong đó vai trò của Nhà nước là quan trọng nhất.

Thứ chín, vai trò của cơ quan Nhà nước địa phương với tư cách “nhạc trưởng” là nhân tố quan trọng đảm bảo thành công. Vai trò của chính quyền thể hiện qua những việc mà nông dân hay doanh nghiệp không thể làm được như quy hoạch; hoàn thiện thể chế chính sách để huy động sức dân; ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh; hỗ trợ tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao kiến thức cho nông dân và minh bạch hóa thị trường.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã hệ thống hóa được những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn phát triển sản xuất dâu tằm bền vững. Qua đó có thể khẳng định rằng đối với vùng truyền thống như Thái Bình sản xuất dâu tằm vẫn có triển vọng phát triển.

Để sản xuất dâu tằm phát triển bền vững trong thời gian tới, nghiên cứu đã rút ra được 9 bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình. Những bài học này cần được thực hiện một cách đầy đủ và đồng bộ thì sản xuất dâu tằm mới phát triển bền vững. Nếu thực hiện không đầy đủ hoặc thiếu đồng bộ sẽ làm cho quá trình sản xuất kém phát triển hoặc phát triển thiếu bền vững.

Sản xuất dâu tằm Thái Bình là vốn quý không phải địa phương nào cũng có nên cần được quan tâm đầu tư sao cho đảm bảo đạt mục đích là kiến tạo được một hệ thống sản xuất bền vững để nó có thể phát triển tương xứng với tiềm năng.

Tài liệu tham khảo

- A. Schenh (1967), 'Tình hình nghề dâu tằm trên thế giới hiện nay', Tài liệu *Hội nghị dâu tằm quốc tế lần thứ XVII*, Cục Dâu tằm, Hà Nội.
- Đỗ Thị Châm (1995), *Kỹ thuật nuôi tằm dâu*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Chiện (2005), 'Phát triển bền vững, tiền đề lịch sử và nội dung khái niệm', *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 01/2005, 32-36.
- Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên Quốc tế - IUCN (1980), *Chiến lược bảo tồn Thế giới*, 35.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), *Triết học Mác- Lênin*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2006-2015*.
- Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương (Vietseri), 'Báo cáo tình hình sản xuất dâu tằm tơ 2014', *Hội thảo phát triển nghề tằm*, ngày 11 tháng 10 năm 2014.
- Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
- Vũ Thị Ngọc Phùng (2006), *Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- International Sericultural Commision (ISC), truy cập ngày 4 tháng 10 năm 2016, tại <<http://www.isc.org>>.
- International Sericultural Commision, *Proceedings of International Wokshop Potential of Sericulture and Silk industry for Employment and Income Generation in AARDO Member countries*, Mysore, Bangalore, India, 11-16 April 2016.
- Li Long (2013), 'Sericulture in China', *1st International Symposium on Sericulture in Tropical – Subtropical Area*, Guangxi, China.
- Somphob Jongruaysup (2014), 'Thailand Report on Sericulture', *Workshop on Establish cooperation system of sericulture technology in Asia*, Bangkok, Thailand, 17-15 March, 2014.
- WCED (1987), *Our Common Future*, United Nations.